

Số: **33** /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **09** tháng **10** năm **2017**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp  
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của  
Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
3692/STNMT-CCBVMТ ngày 15 tháng 5 năm 2017, Báo cáo thẩm định số  
726/STP-VBPQ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Sở Tư pháp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí có lưu lượng nước thải phát sinh từ 20m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.
2. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện và thị xã (sau đây gọi chung là Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện) tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí trên địa bàn quận, huyện và thị xã có lưu lượng nước thải phát sinh dưới 20m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và môi trường:
  - Thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở có thải nước thải công nghiệp với lưu lượng từ 20m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên (trừ các cơ sở sản xuất, dịch vụ có yếu tố an ninh và bí mật quốc gia thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng) theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.
  - Thông báo số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước cho người nộp phí theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.



AB

- Tiến hành rà soát, thống kê, đo đạc, đánh giá, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải phục vụ cho việc thẩm định tờ khai phí, quản lý phí hoặc kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở có nước thải công nghiệp quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh phân loại đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn để cập nhật danh sách các cơ sở thuộc đối tượng quản lý đã được phân cấp, thông báo đến người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trước ngày 11 tháng 3 hàng năm.

- Tổng hợp số liệu hàng năm về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của Thành phố theo mẫu biểu tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này, báo cáo UBND Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo đúng quy định tại các Điều 8,9 và 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

## 2. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận/huyện/thị xã:

- Thông báo 01 lần/năm số phí phải nộp cho các cơ sở sản xuất, chế biến thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp có lưu lượng xả thải dưới 20m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tiến hành kiểm tra, điều tra, thống kê, rà soát, phân loại, cập nhật, phục vụ cho việc xác định đối tượng nộp phí, quản lý đối tượng chịu phí theo quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh phân loại đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn để cập nhật danh sách các cơ sở thuộc đối tượng quản lý đã được phân cấp.

- Tổng hợp số liệu hàng năm về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của địa phương theo mẫu biểu tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này, báo cáo UBND cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo đúng quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

## 3. Trách nhiệm của Cơ quan thuế:

Kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của đơn vị cung cấp nước sạch và cơ quan tài nguyên môi trường địa phương.

## 4. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

5. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân (cơ sở) có hoạt động thải nước thải công nghiệp

- Đối với các cơ sở có hoạt động thải nước thải công nghiệp lưu lượng lớn hơn 20m<sup>3</sup>/ngày đêm: Hàng quý, kê khai số phí phải nộp trong vòng 05 ngày vào đầu tháng đầu tiên của quý tiếp theo nộp Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, bảo đảm tính chính xác của việc kê khai. (Trừ các cơ sở sản xuất có yếu tố an ninh và bí mật quốc gia thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thì kê khai số phí phải nộp với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng). Nộp đủ và đúng hạn số tiền phí phải nộp theo Thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, nhưng chậm nhất không quá 10 ngày kể từ khi nhận được Thông báo.

- Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải công nghiệp trung bình trong năm tính phí dưới 20m<sup>3</sup>/ngày đêm nộp phí cố định một lần cho cả năm theo Thông báo của UBND cấp huyện, thời hạn nộp phí không muộn hơn ngày 31 tháng 3.

- Đối với các cơ sở sản xuất có yếu tố an ninh và bí mật quốc gia thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thì kê khai số phí phải nộp với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Nộp đủ và đúng hạn số tiền phí phải nộp theo Thông báo của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, nhưng chậm nhất không quá 10 ngày kể từ khi nhận được Thông báo.

- Phối hợp, tạo điều kiện cho tổ chức thu phí trong việc thẩm định số phí của cơ sở, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các nguồn thải.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/10/2017 và thay thế Quyết định số 4166/QĐ-UBND ngày 07/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài nguyên & Môi trường, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP;
- VP UBND TP: Các PCVP; Các phòng:  
KT, ĐT, TKBT, TH;
- Cổng Giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KTg.
- (UBND cấp huyện có trách nhiệm sao gửi Quyết định này đến Phòng TN&MT trực thuộc)



1865 (96)

**Phụ lục 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **33** /2017/QĐ-UBND ngày **09** tháng **10** năm 2017)

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... /.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

Năm .....

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

**1. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cấp nước sạch thu:**

TT	Tên đơn vị cấp nước sạch thu và nộp phí	Số phí phải nộp	Số phí quyết toán	Ghi chú
1	Đơn vị cấp nước sạch A			
2	Đơn vị cấp nước sạch B			
...	....			
	<b>Tổng</b>			

**2. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do UBND xã, phường, thị trấn thu:**

TT	Tên quận/huyện	Số xã, phường, thị trấn thu phí	Số phí phải nộp	Số phí quyết toán	Ghi chú
1	Quận/huyện X				
2	Quận/huyện Y				
...	....				
	<b>Tổng</b>				

*Ph*



**Phụ lục 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2017)

UBND QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ.....  
**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

Năm .....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do UBND xã, phường, thị trấn thu được trên địa bàn trong năm ..... như sau:

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Số phí phải nộp	Số phí quyết toán	Ghi chú
1	Xã/Phường/Thị trấn X			
2	Xã/Phường/Thị trấn Y			
.....	.....			
	<b>Tổng</b>			

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đã nộp vào ngân sách nhà nước (viết bằng chữ): .....

2. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được trên địa bàn trong năm..... như sau:

TT	Tên cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến	Số phí phải nộp được thông báo	Số phí quyết toán	Ghi chú
1				
2				
.....	.....			
	<b>Tổng</b>			

3. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất:

.....  
..... /.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Phòng Tài nguyên và Môi trường quận/huyện.....**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

